

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

MỘT VÀI Suy Nghĩ Về Nho Giáo Đầu Triều Lê

VÕ PHƯƠNG LAN^(*)

Thế kỉ XIV kết thúc cùng vương triều Trần. Phật giáo một thời hưng thịnh với các vị vua Phật tử, từng là tư tưởng chủ đạo trong xã hội Việt Nam từ khi giành độc lập cho tới cuối triều Trần đến đây đã mất vị trí và ảnh hưởng trên trường chính trị. Thế kỉ XV mở ra với cuộc kháng chiến chống quân Minh thành công và sự ra đời của một triều đại mới, vương triều Lê. Từ đây đã diễn ra những thay đổi cơ bản về mặt tư tưởng bắt đầu từ thượng tầng, sự lên ngôi của ý thức hệ Nho giáo. Tác động của Nho giáo vào xã hội Việt Nam thực sự bắt đầu.

Lê Lợi, vốn là một hào trưởng địa phương, là đại biểu của tầng lớp địa chủ năng động mới nổi vào cuối đời Trần, trong cuộc kháng chiến chống quân Minh đã trở thành thủ lĩnh quân sự, thu hút được các lực lượng yêu nước đương thời. Ông là người học Nho. Lực lượng trí thức phò tá Lê Lợi trong công cuộc kháng chiến cũng là các nhà Nho, trong đó tiêu biểu nhất là Nguyễn Trãi. Về mặt xã hội, tầng lớp Nho sĩ đã đông lên và có ảnh hưởng ngày càng lớn từ các thời Trần, Hồ. Giai đoạn thuộc Minh tuy không dài, nhưng do chính sách ráo riết phổ biến Nho học theo tinh thần Hán hoá của chính quyền chiếm đóng, cũng đã kịp cho ra đời một thế hệ trí thức hấp thu tư

tưởng Tống Nho Trung Hoa. Khi cuộc kháng chiến chống quân Minh thắng lợi, họ được Lê Lợi kêu gọi ra cộng tác với chính quyền mới.

Nho giáo với tư cách là một học thuyết chính trị đạo đức đề cao trách nhiệm của cá nhân đối với xã hội. Mỗi nhà Nho đều cảm thấy bốn phận của mình là phải xây dựng chính quyền, cải tạo xã hội theo khuôn mẫu phong kiến Nho giáo tập quyền. Khi vị thủ lĩnh có sở học là Nho giáo, lực lượng gồm các tướng lĩnh quân sự và trí thức Nho học, yếu tố Nho giáo là tuyệt đối, thì ý thức hệ Nho giáo đương nhiên được lựa chọn. Chúng ta có thể thấy rõ điều này khi so sánh với các vương triều Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần trước đó, khi tư tưởng Phật giáo vượt trội với các lực lượng mới nổi là tướng lĩnh quân sự và trí thức Phật giáo.

Tuy nhiên, giai đoạn quá độ để tư tưởng Nho giáo chiếm thế thượng phong trong triều đình và ngoài xã hội không đơn giản và nhanh chóng. Bài viết này muốn thông qua những tư liệu lịch sử, mà trước hết từ bộ chính sử *Đại Việt Sử ký Toàn thư* (ĐVSKTT) để phần nào thấy được quá trình tranh đấu không dễ dàng của Nho giáo thời kì đầu triều Lê, cụ thể

^{*}. NCV., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

là thời các triều vua Lê Thái Tổ (1428-1433), Lê Thái Tông (1433-1442) và Lê Nhân Tông (1443 - 1459).

Nho giáo thời Lê Thái Tổ (1428-1433)

Lê Lợi học Nho, trọng trí thức Nho học. Năm 1426, khi đang bao vây thành Đông Quan tại dinh Bồ Đề, Lê Lợi chọn Hàn lâm viện thừa chỉ học sĩ Nguyễn Trãi, một Nho sĩ uyên bác, làm cố vấn thân cận. Để bổ sung nhân sự, ông tổ chức thi kẻ sĩ văn học với đầu đề là làm một bài văn yết bảng “Hiếu dụ thành Đông Quan”, lấy đỗ 36 người... Ông cũng cho bố cáo khắp nơi mời những người có tài năng, có văn học ra cộng tác với chính quyền.

Xu hướng bài bác Phật giáo trong giới Nho sĩ xuất hiện từ cuối thời Trần. Lê Lợi khi đã lên ngôi, đồng thời với việc khuyến khích Nho học, đã có những động thái bài trừ dị đoan trong dân, thanh lọc giới sư tăng, đạo sĩ (có lẽ rất đông và hỗn tạp vào cuối thời Trần và thuộc Minh) nhằm hạn chế ảnh hưởng của Phật giáo và Đạo giáo. Riêng trong năm 1428, Lê Thái Tổ đã có ba lệnh chỉ: Một để tuyển người tài trong quân nhân và trong dân gian; Một để tuyển chọn người văn học trong quan lại văn võ từ tứ phẩm trở xuống. Cả hai lần tuyển chọn người này đều phải qua thi cử. Song song với đó là lệnh chỉ thứ ba được ban hành vào tháng 6 năm 1428 tập trung các tăng đạo lại để sàng lọc, thải bớt những người không xứng đáng. Đến tháng 12 năm 1428 thì mở khoa thi cho tăng đạo để cấp giấy (hành nghệ)⁽¹⁾.

Ngoài công tác xây dựng chính quyền như lập đơn vị hành chính, định luật pháp, đặt bộ máy quan chức, tổ chức quân đội, chia ruộng đất, đúc tiền, sai sứ sang Trung Hoa,... Lê Thái Tổ đã ý thức

xây dựng nền giáo dục Nho: nhà vua thân dùng cổ Thái lao⁽²⁾ tế Khổng Tử, thu thập sách vở, mở mang trường học Nho, tổ chức các khoa thi. Việc xây dựng văn hiến Nho giáo được tích cực thực hiện như lập triều nghi, lập nhà Thái miếu, tế sơn lăng và truy tôn thụy cho tổ tiên họ Lê, phong thần. Triều Lê bắt đầu không phải bằng không khí dựng chùa, tổ chức Pháp hội, phong phẩm hàm cho sư tăng, đạo sĩ, độ người làm tăng của như buổi đầu các triều Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, mà bằng việc xây dựng văn hiến Nho giáo.

Thờ thần là tín ngưỡng phổ biến trong dân gian. Một số vị thần được lựa chọn đưa vào hệ thống tế tự của nhà nước Nho giáo. Lê Lợi vốn rất coi trọng thần linh. Năm 1427, khi còn đang kháng chiến chống quân Minh, ông đã cho người sửa lại đền thờ Hưng Đạo Đại vương, ban lệnh cấm chặt cây cối ở các đền miếu⁽³⁾, lệnh cho các xứ thờ cúng đền miếu các công thần⁽⁴⁾. Năm 1429, ông sai các quan chia nhau đi tế thần kì núi sông, đền miếu các xứ và lăng tẩm của các triều trước⁽⁵⁾.

Nho giáo trọng chữ Hiếu. Hiếu là gốc của Trung, là giá trị tinh thần quan trọng trong việc giữ gìn tôn ti và sự hoà mục trong gia đình, từ đó tác động tích cực lên kỉ cương trật tự xã hội, vững bền cho ngai vàng. Lăng miếu là cơ sở tôn giáo, là nơi thờ tự quan trọng trong hệ thống thờ phụng của nhà nước phong kiến Nho giáo. Việc thờ cúng tổ tiên nhà vua ở cấp độ quốc gia để vua có thể nêu gương đức Hiếu cho thần dân, cũng là để đề cao

1. *Đại Việt Sử ký Toàn thư* (ĐVSKTT). Tập II. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội 1993, tr. 301, 304.

2. Lễ lớn đủ tam sinh trâu - dê - lợn.

3. ĐVSKTT. Sđd, tr. 263.

4. ĐVSKTT. Sđd, tr. 263.

5. ĐVSKTT. Sđd, tr. 265.

quyền lực dòng họ của nhà vua. Ngoài việc truy tôn thụy hiệu cho tổ tiên, xây dựng Thái miếu, tế tự sơn lăng họ Lê, Lê Thái Tổ còn xuống chiếu: làm lại các lăng miếu của triều đại trước bị giặc phá hoại, cấp cho số người giữ việc thờ cúng theo thứ bậc khác nhau⁽⁶⁾. Một triều đại mới lên giữ gìn việc tế tự cho các triều đại trước vốn đã có trong truyền thống Trung Hoa cổ. Về mặt chính trị, đó là sự khẳng định tính chính đáng trong vai trò tiếp nối Thiên mệnh và vị thế ngang hàng của triều đại mới với các triều đại đã được công nhận trong quá khứ.

Lê Thái Tổ mất năm 1433, ở ngôi được 6 năm, cơ bản đã xây dựng bộ máy quân chủ tập quyền và đặt nền móng tư tưởng cho một xã hội hướng Nho. ĐVSKTT đã khen ông “là có mưu kế xa rộng mở mang cơ nghiệp”⁽⁷⁾. Tuy nhiên, ông không phải là vị vua sáng suốt trọn vẹn: trọng dụng Lê Sát, Lê Ván, Lê Ngân,... là những võ tướng thân cận có công trong chiến tranh nhưng tài năng tầm thường, lại tham lam, tàn bạo. Bên cạnh đó, vì quá lo lắng cho ngai vàng nên khi bị bọn tiểu nhân xúc xiểm, ông đã nghi ngờ và giết hại công thần - những nhân vật kiệt suất đã cùng mình lãnh đạo chiến tranh. Sách ĐVSKTT viết: “Trước kia Thái Tổ khi về già có nhiều bệnh, lại thêm quận vương Tư Tề (con trai lớn của Lê Thái Tổ) ngông cuồng, bậy bạ, vua (chỉ Lê Thái Tông) thì còn trẻ thơ, mà Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo đều có công lao giúp nước, rất được người đương thời trọng vọng. Nguyên Hãn là con cháu nhà Trần và Văn Xảo cũng là người kinh lộ, lo rằng sau này họ có ý khác, nên bên ngoài thì đối xử theo lễ tiết hậu, nhưng trong lòng lại rất ngờ vực hai người”⁽⁸⁾. Năm Thuận Thiên thứ 2 (1429), Lê Thái Tổ cho hãm

hại Trần Nguyên Hãn và Phạm Văn Xảo, một việc làm mà sau này chính bản thân ông cũng vô cùng hối hận. Đối với Nguyễn Trãi, một nhà Nho tài uyên bác có hoài bão, thì chẳng còn được hậu đãi như thời dân “Bình Ngô sách” “Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần”. Không những không được trọng dụng mà Nguyễn Trãi còn bị liên lụy liên quan đến Trần Nguyên Hãn⁽⁹⁾, v.v... Hậu quả tất yếu là nhân tài mất mà triều đình bị kẻ tiểu nhân thao túng; thể chế Nho giáo đã được thiết lập nhưng tinh thần nhân văn Nho giáo chân chính thì không được thi triển.

Nho giáo thời Lê Thái Tông (1433-1442)

Lê Thái Tông lên ngôi khi mới 11 tuổi, Đại tư đồ Lê Sát phụ chính. Vua nhỏ tuổi, triều đình diễn ra sự tranh giành ảnh hưởng giữa phe Nho thần khoa bảng và phe công thần khai quốc có công lao nhưng ít học đứng đầu là Lê Sát, Lê Ngân.

Thời kì này, tư tưởng Nho giáo chính thống đã được xác định, giáo dục Nho giáo tiếp tục phát triển. Ngay khi lên ngôi năm 1434, vua Lê Thái Tông đã chỉnh đốn việc học Nho, cho học trò trong cả nước thi cử để phân loại, sàng lọc “25 tuổi trở lên mà không đỗ thì cho về làm dân” và “lấy đỗ hơn 1.000 người, chia làm ba bậc. Bậc nhất và bậc nhì thì đưa về Quốc Tử giám, bậc ba thì cho về học tại nhà học các lộ, đều miễn lao dịch”⁽¹⁰⁾. Cũng trong năm

6. ĐVSKTT. Sđd, tr. 265.

7. ĐVSKTT. Sđd, tr. 239.

8. ĐVSKTT. Sđd, tr. 313.

9. Trần Nguyên Hãn là con Trần Nguyên Án, con trai Trần Nguyên Đán. Nguyễn Trãi là cháu ngoại Trần Nguyên Đán. Tuy chính sử không chính thức nói đến, nhưng có những tài liệu cho thấy trong vụ Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Trãi đã bị bắt giam. Sau khi được tha, tuy vẫn làm quan, nhưng ông sống nghèo khó và có thời gian lui về Côn Sơn.

10. ĐVSKTT. Sđd, tr. 311.

1434, nhà vua định lệ khoa thi cho học trò. Theo đó: “Bắt đầu từ năm Thiệu Bình thứ 5 (1438) thi Hương ở các đạo, năm thứ 6 thi Hội ở sảnh đường tại kinh đô. Từ đấy về sau, cứ 3 năm một lần thi lớn, coi đó làm quy định lâu dài, người nào thi đỗ, đều được ban danh hiệu Tiến sĩ xuất thân...”⁽¹¹⁾. Năm Thiệu Bình năm thứ 2 (1435), tháng 12, ván khắc mới sách *Tứ Thư Đại Toàn* hoàn thành⁽¹²⁾.

Cũng từ thời Lê Thái Tông, các lễ nghi Nho giáo của triều đình bắt đầu được quy định một cách cụ thể như tế cáo Trời Đất, tế tiên sư Khổng Tử, tế Xã Tắc, tế Thái miếu. Các thần kì trong nước được đưa vào tự điển để định lễ tế tự, gia phong. Văn hiến Nho giáo tiếp tục được hoàn thiện. Tuy nhiên, các hoạt động Phật giáo, Đạo giáo trong triều đình, đã vắng bóng dưới thời Lê Thái Tổ, nay phát triển trở lại. Sách ĐVSKTT chép:

Năm Thiệu Bình thứ nhất (1434): Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, vua sai các quan rước Phật chùa Pháp Vân⁽¹³⁾ ở Cát Châu về Đông Kinh để cầu mưa. Mùa thu, tháng 7, ngày 15, mở hội Vu Lan tha cho 50 tên tù tội nhẹ, ban cho các sư tụng kinh 220 quan tiền⁽¹⁴⁾. Năm Thiệu Bình thứ hai (1435): Cho sư trụ trì chùa Báo Thiên là Huệ Hồng làm Sa môn, ban cho áo tía⁽¹⁵⁾. Mùa thu, tháng 8, ngày 22, đúc xong tượng vàng của Thái Tổ và Quốc Thái Mẫu, sai nhà sư làm phép điểm nhãn rồi rước vào Thái miếu để thờ⁽¹⁶⁾. Năm Thiệu Bình thứ tư (1437): Mùa hạ, tháng 4, làm lễ cầu mưa ở cung Cảnh Linh⁽¹⁷⁾.

Nói chung, các hoạt động Phật giáo và Đạo giáo của triều đình không được các Nho thần tán thành. Sách ĐVSKTT ghi lại lời can ngăn của Nho thần Nguyễn

Thiên Hựu và cuộc khẩu chiến giữa Tư đồ Lê Sát và Thiên Hựu nhân việc rước tượng Phật chùa Pháp Vân: “... Bấy giờ trời đã lâu không mưa mà chỉ rước Phật đọc chú để cầu đảo. Nguyễn Thiên Hựu dâng sớ tâu rằng: “Bệ hạ sửa đức, thả bớt cung nữ mà trời không mưa thì xin chém đầu thần để tạ trời đất”... Đại tư đồ Lê Sát ghét Hựu nói thẳng, sớ chưa được trả lời, thì gặp trận mưa nhỏ, bèn gọi Thiên Hựu mà hỏi rằng: “Đêm hôm qua chẳng đã mưa nhỏ rồi là gì?”... Lại đúng lúc có tờ tâu của các lộ Thanh Hoá, Tuyên Quang báo tin mưa gửi đến, Sát đem cả cho Thiên Hựu xem, Thiên Hựu không nói lại được câu nào”⁽¹⁸⁾.

Hội thể của quan quân có từ thời Lý - Trần, đã bị bãi bỏ thời Lê Thái Tổ nay được Lê Sát dựng lại, lẫn lộn vào các nghi lễ Nho giáo tại triều đình: “Thiệu Bình năm thứ nhất (1434): Tháng giêng, ngày 15, vua bái yết Thái miếu, sau đó sai các quan văn làm lễ. Vua ra trường đấu xem bọn đại thần Lê Sát và các quan văn võ trong ngoài tế cáo trời đất, thần kì, danh sơn, đại xuyên, giết ngựa trắng lấy máu cùng thề”⁽¹⁹⁾.

Tư đồ Lê Sát sùng đạo Phật, liên tiếp cho xây dựng các chùa quy mô to lớn như chùa Báo Thiên, chùa Thanh Đàm, Chiêu Độ, đều hơn 90 gian, tốn kém rất nhiều

11. ĐVSKTT. Sđd, tr. 319. Thực ra, mãi đến năm 1442, kì thi Hội đầu tiên mới được mở và kế hoạch kì thi 3 năm chỉ được thực hiện bắt đầu năm 1463, thời Lê Thánh Tông.

12. ĐVSKTT. Sđd, tr. 335.

13. Chùa này ở thôn Văn Giáp, huyện Thường Phúc, nay là Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

14. ĐVSKTT. Sđd, tr. 313.

15. ĐVSKTT. Sđd, tr. 330.

16. ĐVSKTT. Sđd, tr. 331.

17. ĐVSKTT. Sđd, tr. 338.

18. ĐVSKTT. Sđd, tr. 314.

19. ĐVSKTT. Sđd, tr. 311.

sức dân. ĐVSKTT đã chép lại một sự kiện trong việc xây dựng chùa Báo Thiên như sau: "... Chém người thợ của Cục Tả ban Tất tác là Cao Sư Đăng. Bấy giờ điều động thợ ở các Cục Tất tác làm chùa Báo Thiên. Công việc thổ mộc rất nặng nề, Sư Đăng phải làm việc vất vả, nói vụng rằng: "Thiên Tử không có đức. Đại thần ăn của đút, cử dùng kẻ vô công, có gì thiện đâu mà làm chùa to thế". Bị người cáo giác. Đại tư đồ Lê Sát giận lắm. Quan thẩm hình Nguyễn Đình Lịch nói: "Nó dám nói cần đến việc nước, nên chém". Nguyễn Thiên Hựu và Bùi Cầm Hổ đều xin tha tội chết, vua sắp nghe theo thì Sát nói: "Trước đã nghe lời bọn Thiên Hựu không giết Nguyễn Đức Minh⁽²⁰⁾, để rồi nó bỏ thư nặc danh vu cho nhau, nay lại định tha thằng này thì làm thế nào cho dũa khác hẳn sợ?". Bọn Thiên Hựu không dám nói nữa. Bèn chém Sư Đăng. Ngay hôm ấy vừa gặp mưa nhỏ. Hôm sau Sát nói trong triều: "Nếu nghe lời ngôn quan, làm gì có trận mưa ấy?". Lê Ngân nói: "Giết nhiều kẻ ác thì được mưa nhiều, chỉ có điều xương người chất đầy đường khó đi thôi"⁽²¹⁾.

Bấy giờ quyền thế của Tư đồ Lê Sát trong triều rất lớn, các Nho thần không ăn cánh đều bị ông ta hãm hại, bãi chức hay tìm cách cho đổi đi xa, có người phải bỏ quan.

Không những sùng đạo Phật, Lê Sát còn rất mê tín. Nghe theo Thái sử Bùi Thi Hanh, Lê Sát đã dùng đạo sĩ ngâm làm phép trấn yểm ngay trong cung cấm: "Năm Thiệu Bình thứ nhất (1434): Tháng 5, ngày Đinh Sửu, mồng 1, nghỉ châu... Trước đó, Thái sử Bùi Thi Hanh bí mật tâu rằng ngày mồng 1 tháng 5 có tinh vượn đen ăn Mặt Trời, hôm ấy sẽ có nhật thực. Có nhật thực thì trong nước có tai

biến. Nếu bắt được vượn sống đem giết để trấn yểm thì có thể chấm dứt được tai biến. Đại tư đồ Lê Sát tin là thực, tâu xin ra lệnh cho quan lại các trấn Tuyên Quang, Thái Nguyên đốc thúc dân chúng bủa lưới săn lùng khắp rừng núi khe hang, bắt vượn khỉ đóng cũi gửi về nườp nườp không ngớt. Đến ngày ấy nghỉ châu, làm phép trấn yểm trong cung cấm, các quan không một ai được biết. Thi Hanh chỉ tâu Lễ bộ Thị lang Trình Toàn Dương, trước là đạo sĩ, cùng làm phép với mình. Hai người đều được thưởng rất hậu"⁽²²⁾.

Bùi Thi Hanh và đồng sự kiếm lợi rất nhiều từ những lần trấn yểm kiểu này. Trong đời Lê Thái Tông, họ còn thực hiện trấn yểm thêm hai lần nữa vào các năm 1435, 1437 nhân khi có hiện tượng nhật thực, nguyệt thực. Mãi đến đời vua Lê Nhân Tông những việc như thế mới bị bãi bỏ.

Tư tưởng thực dụng của phe công thần còn gây ảnh hưởng tới học thuật, Nho phong: "Bấy giờ quan Tể tướng đều là đại thần khai quốc, không thích Nho thuật, chuyên lấy việc sổ sách, giấy tờ kiện tụng để xét thành tích các quan, bọn nịnh hót, hãnh tiến chán ghét học thuật theo nghề đao bút. Giám sinh cũng muốn bỏ việc học hành để làm lại cho nên cấm không cho thi. Lần thi này, những kẻ luồn lọt, thỉnh thác có tới một nửa"⁽²³⁾. Con đường làm nha lại dễ dàng, nhiều lợi lộc khiến cho người học đổ xô đi thi viết chữ, làm tính đến nỗi vào năm Thiệu Bình thứ 4

20. Trước đó, vì nghi cho Đức Minh dán thư nặc danh ở miếu thần tổ cáo mình âm mưu giết người không cùng phe cánh, Lê Sát xin vua giết Đức Minh, nhưng nhờ các Nho thần xin cho và vì không đủ chứng cứ nên Đức Minh không bị giết, chỉ bị tịch thu gia sản và đi đày.

21. ĐVSKTT. Sđd, tr. 316.

22. ĐVSKTT. Sđd, tr. 315.

23. ĐVSKTT. Sđd, tr. 336.

(1437), vua phải ra lệnh cấm học sinh trường Giám và người ở sổ quân không được tham gia các kì thi lại viên. Tư tưởng thực dụng hám lợi trong học hành, thi cử, làm quan cũng xuất hiện từ đây.

Năm 1437, vua Lê Thái Tông sai Hành khiển Nguyễn Trãi và Lỗ bộ Tì giám Lương Đăng (hoạn quan) chế tác lễ nhạc. Nguyễn Trãi dâng bản vẽ khánh đá và tâu rằng: “Kể ra, đời loạn dùng võ, thời bình chuộng văn. Nay đúng là lúc nên làm lễ nhạc. Song không có gốc thì không thể đứng vững, không có văn thì không thể lưu hành. Hoà bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc. Thân vâng chiếu soạn nhạc, không dám không dốc hết tâm sức. Nhưng sợ vì học thuật nông cạn, sợ rằng trong khoảng thanh luật, khó được hài hoà. Xin bệ hạ yêu nuôi muôn dân, để chốn xóm thôn không còn tiếng oán hận buồn than, như thế mới không mất cái gốc của nhạc”. Vua khen ngợi và tiếp nhận; sai thợ đá huyện Giáp Sơn lấy đá ở núi Kính Chủ để làm⁽²⁴⁾.

Tuy nhiên, Nguyễn Trãi và Lương Đăng đã không thể hợp tác: “Quy chế do Đăng và Trãi định ra phần nhiều không hợp nhau, những chỗ bàn về số lượng, trọng lượng các nhạc khí có nhiều điều trái nhau mà trình bày cũng khác nhau, cho nên Trãi xin thôi việc đó”⁽²⁵⁾. Công việc chế tác lễ nhạc được giao lại cho Lương Đăng. Khi đưa những nghi thức lễ nhạc ra trình bày trước triều đình, diễn ra cuộc tranh luận gay gắt giữa Nho thần và hoạn quan⁽²⁶⁾. Cuộc tranh luận tuy chỉ thuần túy về mặt hình thức lễ nhạc, nhưng phái Nho thần bị ảnh hưởng nặng nề cho thấy thế lực của đám hoạn quan rất mạnh. Trước tình cảnh đó, Nguyễn Trãi, người đã cố gắng nhắc nhở nhà vua

về gốc rễ nhân văn của lễ nhạc, đã chán nản bỏ về Côn Sơn.

Vua tuy nhỏ tuổi, nhưng có cá tính. Sách sử chép: “Lên ngôi mới 11 tuổi, nhưng không phải nhờ mẫu hậu buông rèm coi việc nước, mà mọi việc thiên hạ đều tự mình quyết định cả”⁽²⁷⁾. Lại thêm có các Nho thần phụ trợ nên nhà vua không đến nỗi quá bị thao túng. Đọc ĐVSKTT, chúng ta có thể thấy nhận xét của sử quan không phải là không có căn cứ. Ông vua nhỏ luôn luôn chịu áp lực giữa một bên là những công thần (tiêu biểu là Lê Sát) và một bên là các Nho thần. Phải miễn cưỡng vâng theo Lê Sát nhưng có lúc nhà vua cũng biết giữ chủ kiến của mình, điển hình là việc ông kiên quyết theo lời khuyên của các Nho thần Nguyễn Thiên Tích và Bùi Cầm Hổ không dùng lại những người đã bị Lê Thái Tổ phế bỏ nay lại được Lê Sát tiến cử⁽²⁸⁾. Khi đã lớn hơn: “Bấy giờ, vua đã lớn tuổi, xét đoán mọi việc đã sáng suốt mà Lê Sát vẫn tham quyền cố vị nên vua càng ghét Sát, nhưng ngoài mặt vẫn tỏ vẻ bao dung. Sát không nhận ra điều đó”⁽²⁹⁾. Có chủ kiến, nhà vua cho người ngầm khảo sát quan lại các địa phương, trừng trị tham quan ô lại và thưởng cho các

24. ĐVSKTT. Sđd, tr. 336.

25. ĐVSKTT. Sđd, tr. 338.

26. Xem: ĐVSKTT. Sđd, tr. 345-346.

27. ĐVSKTT. Sđd, tr. 319.

28. Trước kia, khi Lê Thái Tổ có ý nghi ngờ Trần Nguyên Hãn và Phạm Văn Xảo, bọn Đinh Bang Bản, Lê Quốc Khí, Trình Hoành Bá, Nguyễn Tông Chí, Lê Đức Dư đón biết ý, dâng sớ mật khuyên vua quyết ý giết đi. Nếu có ai không vui, Lê Quốc Khí và đồng sự liên vu cho họ là bè đảng của Trần Nguyên Hãn và Phạm Văn Xảo, các quan đều sợ không dám nói. Nhưng Lê Thái Tổ biết rõ bọn Lê Quốc Khí đều là loại tiểu nhân, trong bụng vẫn ghét chúng. Sau này bọn chúng đều có tội, lần lượt bị đuổi đi, song lo chúng được dùng lại nên Thái Tổ dặn lại không nên dùng chúng.

29. ĐVSKTT. Sđd, tr. 340.

quan siêng năng, liêm khiết. Để loại trừ quyền thần, nhà vua tìm cách loại dần tay chân của Lê Sát. Năm 1437, nhà vua cho bãi chức Lê Sát, sau đó bắt phải tự tử. Cũng vào cuối năm này, Đô đốc Lê Ngân bị giáng truất vì: “thờ Phật Quan Âm trong nhà để cho con gái mình là Huệ Phi được vua yêu”⁽³⁰⁾. Giáng Huệ phi Nhật Lệ, con gái Lê Ngân làm Tư dung. Mụ đồng Nguyễn thị bị đi đày ở châu xa. Thầy phù thủy Trần Văn Phương bị đồ làm lính ở phường nuôi voi⁽³¹⁾.

Nhà vua càng lớn, công việc càng khả quan hơn. Nguyễn Trãi lại ra làm việc. Nho học phát triển thêm một bước, năm 1441, tổ chức thi Hương tại các địa phương, năm sau thi Hội. Lớp Nho sĩ khoa bảng trẻ tuổi và tài năng xuất hiện: “Nhâm Tuất, Đại Bảo năm thứ ba (1442), tháng 3, tổ chức thi hội cho những sĩ nhân trong nước. Cho bọn Nguyễn Trực, Nguyễn Như Đổ, Lương Như Hộc ba người đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Trần Văn Huy 7 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Ngô Sĩ Liên 23 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân. Lại soạn văn bia, dựng bia ghi tên các tiến sĩ. Bia tiến sĩ bắt đầu có từ đây”⁽³²⁾. Nguyễn Trãi là chánh chủ khảo cuộc thi này.

Tuy nhiên, thời kì ấy đã sớm chấm dứt với cái chết bất ngờ của nhà vua trẻ: “Tháng 7, năm Đại Bảo thứ 3 (1442), vua Thái Tông đi tuần miền Đông, đột ngột băng tại trại Vải. Đó là vụ thảm án Lê Chi viên mà triều đình quy tội cho Nguyễn Trãi và vợ ông là Nguyễn Thị Lộ, đều lãnh án tử hình và bắt tội đến ba họ”⁽³³⁾. Cái chết bất ngờ của Lê Thái Tông và hậu quả bi thảm tiếp theo của nó, phản ánh những mâu thuẫn trầm trọng trong chốn cung đình mà các Nho thần

không khỏi bị liên đới. Người phải trả giá đắt trong cuộc đấu tranh quyền lực tàn khốc đó là Nguyễn Trãi. Ông đã mất mạng vì bảo toàn sự sống cho vua Lê Thánh Tông, một vị vua nổi tiếng nhất trong lịch sử các nhà nước phong kiến Đại Việt.

Nho giáo thời Lê Nhân Tông (1443 - 1459)

Vua Lê Nhân Tông lên ngôi khi mới lên 3 tuổi, Thái hậu họ Nguyễn (Tuyên Từ) buông rèm coi chính sự. Nhà vua nhỏ, mọi việc đều do quần thần lo liệu và Thái hậu quyết định.

Hoạt động tín ngưỡng tại triều đình thời kì này gồm các lễ nghi của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo: “Mậu thìn, Thái Hoà năm thứ 6 (1448)... Mùa hạ, tháng 6, xuống chiếu cho các quan văn võ phải trai giới đến chùa Báo Ân ở cung Cảnh Linh làm lễ cầu mưa. Vua đích thân đến vái xin. Sai Thái úy Lê Khả đến xã Cổ Châu rước tượng Phật Pháp Vân về chùa Báo Thiên ở kinh thành. Xuống chiếu cho các nhà sư tụng kinh cầu đảo. Vua và Hoàng Thái hậu cùng đến làm lễ. Ban cho

30. ĐVSKTT. Sdd, tr. 346.

31. ĐVSKTT. Sdd, tr. 347.

32. ĐVSKTT. Sdd, tr. 351.

33. Vua Lê Thái Tông có 5 vợ, trong số đó có bà Nguyễn Thị Anh, mẹ đẻ của Thái tử Bang Cơ (vua Nhân Tông) và bà Ngô Thị Ngọc Dao. Khi bà Ngô Thị Ngọc Dao có mang, vì lo sợ cho ngôi Thái tử của con mình, bà Nguyễn Thị Anh đã tìm cách hãm hại mẹ con Ngọc Dao bằng cách vu cho bà có dính líu đến vụ làm bùa chú của Huệ phi Nhật Lệ. Nguyễn Trãi đã tìm cách cứu bà Ngọc Dao và cái thai trong bụng bằng cách bảo vợ ông là Nguyễn Thị Lộ, lúc bấy giờ giữ chức Lễ nghi học sĩ trong triều, xin cho bà Ngọc Dao ra ở chùa Huy Văn. Ở đây, bà Ngọc Dao đã sinh hoàng tử Tư Thành (vua Lê Thánh Tông sau này). Sau đó, để tránh mưu hại của Nguyễn Thị Anh, Nguyễn Trãi đã đưa hai mẹ con trốn ra An Bang, Quảng Ninh. Nhân cái chết đột ngột của Lê Thái Tông, Nguyễn Thị Anh đã cùng với phe cánh vu cho vợ chồng Nguyễn Trãi mưu giết hại vua.

các nhà sư 10 tấm lĩnh và vóc, 20 quan tiền mới⁽³⁴⁾... Kỷ Tị, Thái Hoà năm thứ 7 (1449), mùa Hạ, tháng 4,... Tháng ấy bị hạn. Vua thân đến cung Cảnh Linh làm lễ cầu mưa. Sai Tham tri Bùi Cầm Hổ, Lễ bộ Lang trung Nguyễn Cảnh đi cầu đảo ở núi Tản Viên và Tam Đảo đều không ứng nghiệm...⁽³⁵⁾. Bắt đầu lập đàn thờ Đô đại thành hoàng, đàn thờ thần Gió, Mây, Sấm, Mưa và các đàn thờ ma quỷ không ai tế tự để tứ thời cúng lễ... Tháng 5, cấp phu quét dọn cho Văn Miếu và nhà học của các lộ trấn, mỗi nơi 20 người, mỗi Giáo thụ được 2 người phu để làm thường bổng⁽³⁶⁾.

Các lễ rước tượng Phật chùa Dâu, lễ Phật chùa Báo Ân, Vua và Thái hậu thân đến chùa, ban thưởng cho các sư tăng có lễ là do ý của Thái hậu. Quan lại trong triều cũng có người sùng tín đạo Phật như Lê Văn Linh, nguyên lão ba triều, khi chết dặn con cái chỉ làm tang theo nghi lễ Phật giáo. Tuy nhiên, tại triều đình, các nghi lễ Nho giáo vẫn là chính thức, định kì thành lệ, còn các nghi lễ Phật, Đạo chỉ tiến hành khi cần thiết, mang tính hỗ trợ, bổ sung.

Vua càng lớn, Nho giáo càng có ảnh hưởng hơn. Năm 1448, Thái sử lệnh Bùi Thi Hanh, Thái chúc Bạch Khuê - những quan lại chuyên lo việc thiên văn, lịch số, bói toán trong triều - lộng hành tìm cách ngai lên tham gia chính sự, đã bị Ngôn quan vạch tội. Vua lập tức ra lệnh bãi chức Môn hạ hữu ti lang trung thêm ti Tây đạo của Bùi Thi Hanh. Quốc Oai Trung lộ An phủ sứ ti Bạch Khuê lo sợ đã xin từ chức⁽³⁷⁾.

Từ thời Lê Thái Tông đã có sự áp đặt những giá trị Nho giáo bắt đầu bằng việc hạn chế những trò diễn xướng, những

phong tục dân gian trái với tinh thần Nho giáo: Năm 1437, vua Thái Tông yết Thái miếu bãi trò hát chèo, không tấu nhạc dân (*tức là dân nhạc, đối lập với nhã nhạc, ở đây chỉ các làn điệu dân gian*); năm 1448, Nhân Tông ngự về Lam Kinh, ra lệnh cấm trai gái múa hát rí ren (*múa hát dân gian vùng Thanh Hoá*). Sau khi Thái hậu Tuyên Từ rút lui (năm 1453, vua Nhân Tông được 12 tuổi), các nghi lễ Phật giáo, Đạo giáo hầu như không còn thấy chép trong sách ĐVSKTT.

Trong triều đình, tư tưởng Thiên mệnh, Thiên Nhân cảm ứng, cơ sở Thần học, căn cứ lí luận cho nền thống trị phong kiến Nho giáo tập quyền ngày càng được các Nho thần đề cập tới nhiều hơn.

Nho gia đương thời chủ yếu luận bàn về Thiên, hoặc chủ trương thuyết Thiên mệnh, hoặc đề xướng thuyết Thiên Nhân cảm ứng. Thiên mệnh có nghĩa vua là con Trời (Thiên tử) được Trời trao nhiệm vụ cai trị dân. Thiên Nhân cảm ứng có nghĩa là ý chí của Trời và ý chí của người không xung đột nhau mà có tính nhất trí. Tư tưởng Thiên mệnh, Thiên Nhân cảm ứng một mặt thần hoá ngôi vua, Thiên mệnh hoá triều đại. Mặt khác nó lại hoạt động như một cơ chế kiểm chế mang tính tôn giáo luôn thường trực khiến nhà cầm quyền phải biết sợ Mệnh Trời mà tôn trọng dân. Một khi sự cai trị hà khắc vượt quá ngưỡng chịu đựng, thuyết ấy đã tôn giáo hoá quyền được làm cách mạng của người dân.

Vì Trời thuận theo ý dân mà trao mệnh, Trời trên dân dưới thông đạt với

34. ĐVSKTT. Sđd, tr. 362.

35. ĐVSKTT. Sđd, tr. 370.

36. ĐVSKTT. Sđd, tr. 371.

37. Xem: ĐVSKTT, tr. 364 - 365.

nhau, vua thi hành nhân chính mới giữ được Mệnh Trời. Niềm tin mang tính tôn giáo rằng đạo đức, tư cách và hành vi của bậc Thiên Tử có thể cảm được lòng Trời, giữ cho khí âm dương được điều hoà, cho vạn vật được sinh trưởng luôn thường trực. Về thực tiễn bộ máy chính quyền cũng có cơ chế nhằm kiềm chế nhà vua, đó là các Ngôn quan chuyên việc can ngăn và cảnh báo. Họ luôn viện dẫn thuyết Thiên Nhân cảm ứng. Gặp thiên tai, thiên biến giờ đây ở triều Lê không phải là việc rước tượng Phật, mời sư tăng, đạo sĩ làm lễ, mà Thiên Tử chính thức xuống chiếu sám hối tự nhận lỗi về mình và có những động thái sửa chữa lỗi lầm, ban phúc cho dân để cảm cách lòng Trời, văn hồi Thiên mệnh.

“Mậu ngọ, Thiệu Bình năm thứ 5 (1438)... Mùa hạ, tháng 5... Ngày 27, vì có nhiều tai dị, xuống chiếu rằng: “Mấy năm nay, hạn hán, sâu bệnh liên tiếp xảy ra, tai dị luôn luôn xuất hiện. Khoảng tháng 4, tháng 5 năm nay, nhiều lần sét đánh vào vườn cây trước cửa Thái miếu ở Lam Kinh. Cứ nghiệm việc xảy ra tai họa, nhất định là có duyên do trong đó. Có phải trẫm không lo sửa đức để mọi việc bê trễ hay là do quan tể phụ bất tài xếp đặt không điều hoà? Hay là dùng người không đúng, để người tốt kẻ xấu lẫn lộn? Hay là hối lộ công khai mà việc hình ngục có nhiều oan trái? Hay là làm nhiều công trình thổ mộc để sức dân mỗi mệt? Hay là thuế khoá nặng nề để dân túng thiếu? Trẫm tự trách tội mình, đại xá cho thiên hạ. Tất cả các đại thần, các quan văn, quan võ các người nên chỉ ra những lầm lỗi kể trên, cứ thẳng thắn nói hết, đừng kiêng nể gì. Nếu có điều gì tiếp thu được, nhất định sẽ khen thưởng cất nhắc, dầu có ngu đần vu khoát, cũng

không bắt tội. Ngõ hầu có thể lay chuyển lòng trời, chấm dứt được tai biến, để nước nhà mãi hưởng phúc lớn vô cùng vậy”⁽³⁸⁾.

Từ năm 1443 đến năm 1452, hầu như năm nào vua Lê Nhân Tông cũng xuống chiếu tự nhận lỗi. Vua còn nhỏ, những tờ chiếu tự nhận lỗi này đương nhiên đều do các Nho thần soạn thảo và công bố ngoài xã hội. Ngoài công năng vỗ về dân chúng, các tờ chiếu cũng có tác dụng giáo dục vua nhỏ: sợ Thiên mệnh, lo kém đức mà gắng tu dưỡng rèn luyện. ĐVSKTT viết: “Vua tuổi còn thơ ấu đã có thiên tư sáng suốt, vẻ người tuấn tú khác thường, dáng điệu nghiêm trang, sùng đạo Nho, nghe can gián, thương người làm ruộng, yêu nuôi muôn dân, thực là bậc vua giỏi...”⁽³⁹⁾.

Một vài nhận xét ban đầu

Từ khi giành được quyền độc lập, các nhà nước phong kiến Đại Việt đều đã xây dựng thể chế theo mô hình Trung Hoa. Tuy nhiên, tư tưởng Phật giáo, với lịch sử lâu dài và ảnh hưởng sâu đậm trước đó, vẫn là tư tưởng chủ đạo trong xã hội một thời gian dài trước triều Lê. Quá trình Nho giáo tranh đấu để chiếm thế thượng phong trên trường chính trị tư tưởng diễn ra cùng với sự phát triển và mức độ tham chính ngày càng tăng của tầng lớp Nho sĩ. Đến triều Lê, Nho giáo chính thức được chấp nhận với tư cách là tư tưởng chính thống. Nhưng để thực sự chiếm thế thượng phong, Nho giáo đã phải vượt qua không ít trở ngại.

Ba đời vua đầu tiên triều Lê Sơ tổng cộng một phần ba thế kỉ (1428-1459). Lê Thái Tổ đặt nền móng cho vương triều Nho giáo, đã có ý loại trừ những ảnh hưởng của Phật giáo, Đạo giáo ra khỏi

38. ĐVSKTT. Sđd, tr. 384.

39. ĐVSKTT. Sđd, tr. 354.

triều đình. Tuy nhiên, sau đó, các thế lực công thần, hoạn quan có những thời kì thao túng chính trường khiến tư tưởng Nho giáo chưa thể phát triển. Hoạt động Phật giáo, Đạo giáo còn tồn tại dai dẳng trong triều đình. Tuy nhiên, Phật giáo triều đình không còn là Phật giáo mang tính học thuật hay pháp môn thực nghiệm tâm linh giác ngộ cá nhân, hoặc chủ trương nhân văn giáo dục lòng từ bi để lợi lạc quần sinh mà các vị vua Thiền sư, Phật tử cùng các cao tăng thời Lý - Trần đã thực hành, mà đó là Phật giáo để cúng bái, cầu đảo. Còn Đạo giáo thì không còn là tinh thần Lão Trang hay phong vị thần tiên, tiêu dao ở tầng lớp trí thức, vương hầu quý tộc thời Trần nữa mà hầu như chỉ còn là bùa phép trừ tà mê tín của các đạo sĩ háms lợi. Có thể nói, sinh hoạt Phật giáo, Đạo giáo ở triều đình thời kì này là một bước lùi, không có tác dụng bồi dưỡng tư tưởng nhân sinh hay mang lại sự phong phú cho sinh hoạt tôn giáo (văn hoá) của triều đình.

Hai vua Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông lên ngôi khi còn nhỏ, vừa đến tuổi trưởng thành thì đều đột ngột băng hà. Tuổi tác của hai vị vua này cũng là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự chuyển biến chính trị: Họ tuy đều có thiên tư tốt nhưng lại thiếu người phụ chính có tài đức, có tâm huyết, được trọng dụng đủ để có thể tập hợp các Nho thần vào chung một ý chí, một hành động thống nhất để xây dựng một nhà nước phong kiến tập

quyền mạnh. Việc thiếu nhân sự cấp cao có tầm cỡ về tư tưởng dẫn đến việc ý thức hệ Nho giáo không phát huy được toàn bộ những tinh hoa của nó. Về thực tiễn, nó cũng tạo nên bộ máy không hoàn thiện, từ đó phát sinh nhiều tệ đoan chốn quan trường. Công bằng mà nói, cũng có những Nho thần thẳng thắn, tận tâm nhưng cũng có không ít những kẻ thực dụng, cơ hội, vô trách nhiệm. Thực tế bộ máy yếu kém, triều cương lỏng lẻo, tai hoạ đã tất yếu xảy ra: Lê Thái Tông chết vì bất cẩn, Lê Nhân Tông bị ám sát.

Mùa đông năm 1459, Lạng Sơn vương Nghi Dân⁽⁴⁰⁾ cùng đồng đảng mưu giết vua Lê Nhân Tông và Thái hậu, tự lập làm vua, được 8 tháng thì bị các triều thần Nguyễn Xí, Đinh Liệt giết chết. Vua Lê Thánh Tông được đưa lên ngôi và trị vì trong 38 năm. Lê Thánh Tông là một vị vua sùng Nho, thông minh tài giỏi bậc nhất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam. Thời Lê Thánh Tông, quốc gia Đại Việt trong vòng nửa cuối thế kỉ XV đã đạt được sự phát triển rực rỡ về mọi mặt trên nền ý thức hệ chính thống Nho giáo. Xã hội Việt Nam có những chuyển biến sâu sắc về tư tưởng theo chiều hướng Nho giáo trong mọi giai tầng. Đã có nhiều công trình đề cập tới giai đoạn này. Bài viết của chúng tôi xin dừng tại đây./.

40. Lê Nghi Dân là con trưởng của Thái Tông. Được lập làm Thái tử năm 1440, đến năm 1441 bị giáng truất làm Lạng Sơn vương.